TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2022/QĐST-DS	Hà Nội, *ngày* 01 *tháng* 7 *năm* 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLST-DS "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" ngày 22 tháng 4 năm 2022. Văn bản đồng ý với biên bản hòa giải thành của các đương sự vắng mặt.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đã được Thông báo kết quả hòa giải và có văn bản đồng ý với biên bản hòa giải thành.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: ***Ngân hàng TMCP Đ;*** Địa chỉ trụ sở: Số X đường N, phường T, quận H, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, Chức vụ: Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản – Ngân hàng TMCP Đ; Người được ủy quyền lại: Bà Đặng Phương T; Số CMND:

02418900XXXX do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/02/2014; Chức vụ: chuyên gia tố tụng phòng quản lý khách hàng doanh nghiệp Miền Bắc- Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng TMCP Đ.

1.2. **Bị đơn**:

1.2.1. ***Bà Lê Kim N***; **sinh năm 1982;** chứng minh nhân dân số 03318200XXXX do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07.12.2015; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: PX khu tập thể X, phường T, quận T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: PX Tòa nhà X đường N, phường T, quận T, thành phố H.

1.2.2. ***Ông Trần Quang H, sinh năm 1977;*** chứng minh nhân dân số 03607700XXXX do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07.12.2015***;*** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: PX khu tập thể X, phường T, quận T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: PX Tòa nhà X đường N, phường T, quận T, thành phố H.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. ***Bà Ngô Thị T, sinh năm 1952***; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm X, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh N.

Nơi ở hiện nay: PX Tòa nhà X đường N, phường T, quận T, thành phố H. Xin vắng.

1.3.2. ***Công ty CP ĐTXD V***; mã số doanh nghiệp: 010214XXXX do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27.7.2011, thay đổi lần thứ 12 ngày 03.6.2016.

Địa chỉ trụ sở: Tầng X, Toà Nhà X, Lô HhX, KĐT M - Xã M - Quận N – Thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền phải thanh toán: Xác nhận tính đến ngày 07.6.2022, ông Trần Quang H, bà Lê Kim N còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số 372/HĐCV-HBT/2016 ngày 05/10/2016 và các Khế ước nhận nợ là:

- Nợ gốc: 1.011.845.000 đồng (một tỷ không trăm mười một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 3.257.482 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng)

- Nợ lãi quá hạn: 271.531.535 đồng (hai trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng)

- Tổng nợ: 1.286.634.017 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn không trăm mười bảy đồng).

2. Ông Trần Quang H và bà Lê Kim N phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay số 372/HĐCV-HBT/2016 ngày 05/10/2016 kể từ ngày tiếp theo của ngày ký biên bản hòa giải thành (ngày tiếp theo của ngày ký biên bản hòa giải thành là ngày 08.6.2022) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Quang H và bà Lê Kim N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay là: *Tất cả quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 44/PVV-VINAPHARM/HĐMB MÃ CĂN HỘ X TẦNG X giữa Công ty CP ĐTXD V với ông Trần Quang H, gồm cả các Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này*; Hợp đồng thế chấp số công chứng: 4800.2016. Quyển số: 04-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05.10.2016; tại Văn phòng Công chứng H, đã đăng ký giao dịch bảo đảm.

4. Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì ông Trần Quang H và bà Lê Kim N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.5. Về án phí: ông Trần Quang H và bà Lê Kim N phải chịu 25.299.510 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi chín nghìn năm trăm mười đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 24.525.039 đồng (hai mươi bốn

triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn không trăm ba mươi chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0007619 ngày 22.4.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

2.6. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phương Thảo